

Đôi điều về

TU BỔ DI TÍCH TRONG THỜI GIAN QUA

ThS. KT&. ĐOÀN BÁ CỬ*

Lịch sử đã cho thấy, có những dân tộc phải dốc hết trí lực và vận mệnh của mình vào việc vật lộn mưu sinh và vệ quốc, nhưng vẫn không quên tạo nên và để lại cho con cháu hàng chục nghìn di sản. Có những quốc gia trong một giai đoạn nào đó phải huy động hết thảy mọi nguồn lực vào một mục tiêu nào đó, nhưng vẫn không quên di sản của mình.

Những phẩm chất đặc sắc mang tính nền tảng văn hóa ấy đã có ở Việt Nam và đang được phát huy trong công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo. Từ khi có Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đặc biệt là từ khi có Luật di sản văn hóa, các hoạt động bảo tồn tôn tạo di tích, do nhận được sự quan tâm lớn của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, đã có bước phát triển mới và đạt nhiều thành tựu to lớn. Có thể nói, Chương trình mục tiêu quốc gia đã mở ra kỷ nguyên "hồi sinh" cho di tích và văn hóa Việt Nam.

Bằng nhiều nguồn vốn và nhiều lực lượng, các hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích đã diễn ra sôi động khắp nơi. Nhiều di tích đã được đầu tư tu bổ chống xuống cấp, phục hồi, tôn tạo ở các mức độ và trình độ khác nhau. Một số di tích tiêu biểu đã có sức thu hút lớn khách tham quan du lịch, đóng góp nguồn thu đáng kể cho ngân sách. Những kết quả đó không dừng lại ở cải thiện tình trạng kỹ thuật, tình trạng bảo tồn của di tích, mà đã thực sự góp phần làm cho diện

mạo văn hóa không chỉ của di tích, của đất nước mà còn của người Việt Nam khởi sắc hơn. Những kết quả bảo tồn đó đã thực sự phát huy, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội và giữ gìn bản sắc trong thời kỳ đổi mới.

Khoảng đầu những năm 90 của thế kỷ XX, các dự án đầu tư tu bổ tôn tạo di tích thường chỉ đặt mối quan tâm vào tu bổ chống xuống cấp, bảo tồn cho hạng mục chính yếu của di tích hoặc cùng lắm mới mở rộng đến toàn di tích. Mâu thuẫn phải giải quyết bấy giờ chủ yếu là giữa khả năng về nguồn lực với nhu cầu đầu tư, nhu cầu bảo tồn và cả về quan điểm khoa học chuyên ngành. Các lực lượng tham gia cũng chủ yếu là trong ngành và nhân dân. Nhiều dự án sau khi hoàn thành đã được giới chuyên môn và bạn bè quốc tế đánh giá cao như tu bổ chùa Tây Phương, chùa Bút Tháp... Dần dần, với sự phát triển của yêu cầu bảo tồn phục hồi, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hoá, hoặc để đáp ứng các quy hoạch mới, các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng lãnh thổ, thì các dự án đầu tư bảo tồn, tôn tạo di tích đã mở rộng tích hợp phạm vi được quan tâm hơn. Bên cạnh tiền đề thuận lợi để hồi sinh phát triển, đã và đang xuất hiện các khó khăn và nguy cơ trong giữ gìn giá trị toàn vẹn, nhất là sự tổn vong cho di tích. Các mâu thuẫn từ giai đoạn trước (không mất đi), đã xuất hiện các mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại, giữa kinh tế và văn hoá, dân tộc và quốc tế, cùng với sự phát triển của cơ chế thị trường... đã đặt những nhà

* GIÁM ĐỐC CÔNG TY TU BỔ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

quản lý và thực hiện bảo tồn tôn tạo di tích trước nhiều bài toán khó hơn trong từng dự án.

Bảo tồn và phát triển luôn có ý nghĩa chiến lược với mỗi quốc gia, dân tộc. Trong đó bảo tồn cái tốt đẹp là nhân tố cần thiết cho phát triển và phát triển lại tạo nguồn lực cho bảo tồn. Xét cho cùng, bảo tồn vừa có mục đích tự thân, vừa cho phát triển tương lai, cho phát triển bền vững. Giải quyết mối quan hệ hữu cơ ấy, cần có một sự nghiên cứu kĩ càng, lựa chọn tốt nhất để hài hoà được cả hai, nghiêng về ưu tiên cho kinh tế hoặc cho văn hoá đối với mỗi dự án, mỗi di tích cụ thể. Đó chính là yêu cầu của cả quá khứ, hiện tại và tương lai, là yêu cầu của thời đại mới. Chúng ta đã có những cuộc tranh luận gay gắt về từng dự án cụ thể. Chúng ta đã có những bài học giải quyết tốt, hoặc chưa tốt bài toán này trong thực tiễn. Và, vấn đề này sẽ tiếp tục được đặt ra, song cần có những tiếng nói bảo vệ di sản văn hoá hài hoà cho phát triển bền vững.

Đối với di tích lịch sử - văn hóa Việt Nam, phần nhiều là các di tích kiến trúc nghệ thuật, thường gắn kết chặt chẽ với tín ngưỡng, lịch sử và tâm linh dân tộc, hoặc chí ít là một cộng đồng làng xã. Người Việt có những hoàn cảnh, điều kiện và quan niệm riêng trong sáng tạo, gìn giữ những công trình truyền thống của mình. Di tích kiến trúc nghệ thuật Việt có những đặc điểm bản sắc riêng. Chúng phần lớn được khai sinh từ thời "Đại Việt" và được đời nối đời "trùng tu" truyền lại. Ý nghĩa phổ quát của di tích kiến trúc nghệ thuật nước ta không phải là một thành tựu văn hoá nổi bật hay lịch sử văn hoá vật chất của một thời, mà thường là của một quá trình phát triển liên tục, từ lịch sử trở thành một biểu tượng tinh thần và truyền thống của dân tộc. Những kiến trúc khiêm nhường ấy luôn là "di tích sống" và hầu hết không còn "nguyên gốc" từ thời khởi dựng. Tu bổ, tôn tạo những di tích này cần những nguyên tắc ứng xử và phương pháp vừa truyền thống vừa hiện đại.

Nền kiến trúc truyền thống của chúng ta có gốc từ Văn hóa Đông Sơn, trải qua giao thoa, tiếp biến, rồi như vệt lớn bóng lên vào giai đoạn Lý - Trần. Nền kiến trúc ấy vẫn tiếp tục kế thừa, tiếp thu, gạn lọc và sáng tạo, thêm vào hay bớt đi những yếu tố, thuộc tính nhưng vẫn khá ổn định về phong cách, bản sắc và phát triển liên tục đến nửa đầu thế kỉ XX. Những di tích được trùng tu, tôn tạo theo dòng văn hóa truyền

thống này, dù nhiều niên đại vẫn hài hòa và hàm chứa biết bao giá trị.

Văn hóa và kiến trúc Việt Nam bắt đầu tiếp xúc với phương Tây từ thế kỉ XVI thông qua thương mại và truyền giáo, nhưng còn ở mức độ thấp và hạn chế. Chỉ sau khi người Pháp xác lập ách đô hộ trên đất nước ta thì nền văn hóa, trong đó có kiến trúc truyền thống, mới được đặt vào cuộc đối đầu và tiếp nhận ảnh hưởng của phương Tây. Tình trạng đối đầu, xung đột và áp đặt của kiến trúc phương Tây không gay go, căng thẳng như trong một số lĩnh vực văn hóa khác, mà đã sớm xuất hiện xu hướng nghiên cứu, bản địa hóa từ phía những người Pháp, song song với xu hướng hiện đại hóa từ phía những người Việt. Cả hai xu hướng dẫn gặp nhau để sáng tạo ra nhiều công trình có giá trị mà nay đã trở thành di sản. Tuy nhiên, trong một số di tích, nhất là những di tích có lịch sử lâu đời trên đất Bắc, được tu bổ tôn tạo từ khoảng thời Khải Định trở về sau, chúng ta đã bắt gặp những "nét Tây", sai lạc, phản cảm với tổng thể và đứt gãy nhất định với công trình truyền thống. Đó là một thực tế, một "nguyên trạng" mà người tu bổ di tích phải nghiên cứu để đưa ra giải pháp đúng đắn ở các mức độ khác nhau. Cũng như vậy, ngay sau khi cách mạng thành công, đất nước lại phải trải qua hai cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ, di tích bị tàn phá hư hại nặng nề. Nhân dân với tinh thần yêu quý văn hóa của ông cha đã quyết tâm nối nguồn truyền thống, nhưng nguồn lực và nghiệp vụ đều hạn chế dẫn đến việc tu bổ, tôn tạo nhiều di tích vẫn theo xu hướng dân gian nên không tránh khỏi những sai lạc nhất định, làm suy giảm giá trị của di tích. Đó cũng là một thực tế, một hiện trạng mà người tu bổ di tích phải nghiên cứu để đưa ra giải pháp đúng đắn.

Lúc đó, trong thực tiễn tu bổ di tích, người ta dù biết một cấu kiện cụ thể nào đó, về kĩ thuật, không thể bảo tồn lâu dài, nhưng là nguyên gốc nên nhất định không thay thế; ngược lại, dù biết cấu kiện này, bộ phận kia của di tích không đúng tinh thần gốc, thậm chí sai lạc phản cảm, nhưng được bổ sung trước năm 1945 lại được coi là "nguyên trạng" vẫn được tôn trọng. Gần đây, xu hướng này vẫn còn, nhưng lại xuất hiện xu hướng ngược lại, kể cả với những cấu kiện, bộ phận, hạng mục được tu bổ, bổ sung sớm hơn, thậm chí vẫn đúng dòng kiến trúc nghệ

thuật truyền thống, nhưng xét "chưa tương xứng", vẫn được coi là làm sai lạc di tích gốc và dỡ đi làm lại.

Cả hai xu hướng trên đều có những cơ sở khoa học và thực tiễn nhất định, nhưng về nguyên tắc, đều là những biểu hiện máy móc, thậm chí lệch lạc nhất định theo nguyên tắc tu bổ di tích hiện đại. Chúng tôi cho rằng, việc tôn trọng và kế thừa những đóng góp thành công của những lần tu bổ trước là hết sức cần thiết và mang tính nguyên tắc. Việc loại trừ những bộ phận sai lạc hoặc làm giảm giá trị di tích nằm trên đất Bắc, có niên đại từ đời vua Khải Định về sau của các lần tu bổ gần đây thì trong từng trường hợp cụ thể, sau khi xem xét một cách khoa học là có thể chấp nhận được. Việc phục dựng hạng mục trong tổng thể hoặc cả di tích trên cơ sở nghiên cứu xác đáng tại vị trí gốc cùng chứng cứ lịch sử tương đồng về niên đại và loại hình của các di tích đó, thì khi cần thiết, có thể cho phép phục hồi được. Tuy nhiên, những việc này cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng để lựa chọn phương án cho từng dự án của mỗi di tích cụ thể; trong quá trình thực hiện luôn cần có sự theo dõi sát sao từ tư vấn đến thi công của những cơ quan chuyên ngành. Điều đó, thực sự cần thiết và phù hợp với thực tiễn di tích ở nước ta, đó cũng là một truyền thống trong tu bổ di tích của Việt Nam.

Người Việt Nam có quyền tự hào vì có Quốc tổ Hùng Vương, nhưng dù cho có thành kính đến mấy thì vẫn phân vân trước ngôi đền Thượng, thờ Quốc tổ trên núi Nghĩa Lĩnh, có tuổi khởi dựng gần đây, lại mang kiến trúc "tây, ta" lẫn lộn với quy mô quá nhỏ bé. Con cháu vua Hùng trên con đường phát triển có thể dựng lại được không? Chúng tôi tin việc ấy là hợp lẽ vì giá trị cao nhất ở đây là thờ Tổ. Bảo tồn giá trị tinh thần này cần cho phát triển và chính là đặc thù, là một khía cạnh của bản sắc Việt Nam.

Qua một thế kỉ giao thoa với phương Tây, ngành kiến trúc và xây dựng Việt Nam đã chuyển hướng và ngày nay đang tiến nhanh trên con đường hiện đại hóa. Nếu như chia toàn bộ công trình xây dựng ở Việt Nam thành hai loại, thì chỉ có thể là xây dựng truyền thống và xây dựng hiện đại. Các công trình di tích kiến trúc nghệ thuật hầu hết thuộc về dòng truyền thống với vật liệu truyền thống, kĩ thuật công nghệ và văn hóa truyền thống. Còn tất cả các

công trình khác dù là dân dụng, công nghiệp, giao thông, văn hóa, thể thao, quốc phòng ... cũng đều nằm trong phạm trù kiến trúc xây dựng hiện đại. Ấy thế mà bên cạnh Bộ Xây dựng, chủ trì về xây dựng, còn có đến 4 Bộ được giao quản lí xây dựng chuyên ngành, trong đó không có Bộ Văn hóa - Thông tin. Tu bổ, tôn tạo di tích là một chuyên ngành mang đặc thù văn hóa truyền thống, lại được quản lí như với đầu tư xây dựng cơ bản, đó là một khó khăn và bất cập cho giá trị của di tích và cho những đơn vị thực hiện tu bổ di tích. Ai đó nói rằng: Tu bổ di tích thì cũng là "sửa chữa, cải tạo và nâng cấp công trình" trong xây dựng. Xin thưa không phải. Các trường đại học kiến trúc Việt Nam chỉ dạy đôi học phần về lịch sử kiến trúc Việt Nam. Các trường đại học xây dựng Việt Nam và các công nhân kĩ thuật không dạy về công nghệ, kĩ thuật xây dựng truyền thống. Trong khi di tích không đơn giản là công trình kiến trúc, là di sản vật thể, nó chính là lịch sử, là văn hóa, là nơi bầu vùi và cộng sinh của cả di sản vật thể và phi vật thể Việt Nam.

Để dễ hình dung về quản lí ngành, xin có hình tượng so sánh: Các di tích Việt Nam giống như các "cụ già" trăm tuổi đến nhiều trăm tuổi, vốn sinh ra và sống trong nghèo khó, đồng thời hiện đang mang nhiều trọng bệnh. Tu bổ di tích không phải là "cải lão hoàn đồng", càng không phải là chấm dứt cuộc sống, đông cứng, "ướp xác các cụ", vì "các cụ" vẫn đang sống. Khâu lập dự án đầu tư rồi thiết kế, bảo tồn, tôn tạo giống như việc khám bệnh, xét nghiệm, hội chẩn và đưa ra giải pháp điều trị cho di tích. Khâu thi công chính là vừa thực thi giải pháp điều trị ban đầu, vừa tiếp tục xét nghiệm, nghiên cứu, điều chỉnh thuốc thang để chữa bệnh cho tốt nhất. Trong ngành y tế, tất cả các công việc trên nằm trong một quá trình chung. Không ai tách khám bệnh, chữa bệnh riêng cho các đơn vị khác nhau. Ngành tu bổ di tích có "bác sĩ chuyên khoa", có "bệnh nhân lão khoa", lý ra phải theo quy trình riêng như vậy. Thế nhưng, nó lại được/bị quản lí như ngành xây dựng, tức là theo luật đấu thầu, nếu "bác sĩ" nào đã động ống nghe vào khâu dự án - khám bệnh thì không được làm tư vấn thiết kế - xét nghiệm và kê đơn, lại không được đấu thầu, thi công - chữa bệnh. Như vậy, các đơn vị chuyên ngành tu bổ di tích, dù có khả năng nhưng không được thực



Đền Ngòi (Lũng Hòa, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)
Ảnh: Ban QLDT Vĩnh Phúc

hiện, dẫn tới giá trị của di sản văn hóa dễ bị "thiệt thòi", vì sẽ gặp phải các "bác sĩ không chuyên khoa" hoặc càng không may khi gặp phải ông "lang băm" khám hoặc chữa bệnh. Các quy định hiện nay chưa xuất phát từ đặc thù chuyên ngành mà còn chỉ vì kinh tế, đã tỏ ra bất hợp lí với ngay cả với ngành xây dựng khi tách tư vấn dự án ra khỏi tư vấn thiết kế. Vậy thì, nên chăng để các "bác sĩ chuyên khoa" vừa khám vừa chữa bệnh cho di tích nước nhà theo Luật di sản văn hóa và điều 101 Luật xây dựng?

Thời đại mới yêu cầu khách quan là, làm kinh tế phải có văn hóa và làm văn hóa phải tính đến kinh tế. Xưa kia, tổ tiên ta nghèo hơn bây giờ và không biết đấu thầu, "các cụ" chỉ biết lựa chọn người xác đáng, đủ tài mà giao việc.

Những năm cuối thế kỷ XX, chưa có đấu thầu, nay đấu thầu tu bổ di tích đang là việc diễn ra trong thực tế. Nhưng, ngay trong xây dựng hiện tại, mục đích của việc đấu thầu cũng là để lựa chọn nhà thầu xứng đáng nhất, trong đó chất lượng công trình sản phẩm là ưu tiên hàng đầu, chứ đấu phải chỉ nhằm một mục tiêu kinh tế. Một công trình xây dựng qua đấu tư là tăng thêm giá trị, còn một di tích qua đấu tư tu bổ có thể bảo tồn và phát huy giá trị, cũng có thể làm giảm đi giá trị tự thân của nó. Vì vậy, tính kinh tế của một công trình tu bổ di tích chủ yếu phải được cân đối kỹ trong từng dự án, chứ không phải chỉ trông vào đấu thầu giảm giá... Đây chính là một yêu cầu của di tích cần đến điều kiện năng lực chuyên ngành. Theo luật đấu thầu, hay theo luật chuyên ngành là Luật xây dựng, phụ thuộc vào yêu cầu kĩ thuật, nghệ thuật khác nhau của từng di tích, đòi hỏi cần đến tinh thần trách nhiệm với di tích của các cơ quan hữu trách và người có thẩm quyền quyết định.

Qua một số vấn đề trên, dù chưa đầy đủ, song cũng là một số ghi nhận và phân tích nghiêm túc của những người trong cuộc, điều này cũng khiến cho những người có tâm huyết và trách nhiệm phải trăn trở để kinh tế không lấn át văn hóa, để sự nghiệp bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa và sự nghiệp giữ gìn bản sắc dân tộc trong phát triển bền vững ngày một tốt hơn./

Đ.B.C

Xem thêm: Đoàn Bá Cử: "Hệ thống giá trị đặc trưng và nguyên tắc định hướng tu bổ di tích kiến trúc Việt Nam", trong *Một con đường tiếp cận di sản văn hoá*, tập II, Nxb. Thế giới, HN, 2005.

SUMMARY: REFLECTION ON THE RESTORATION OF MONUMENTS IN RECENT YEARS (MA. ĐOÀN BÁ CỬ, ARCHITECT)

Making a review on the repairing of monuments and relics, the author identifies some major difficulties and advantages of preservation of cultural heritage in practice. The article introduces several common principles for monuments and relics restoration with fundamental requirements, in view of fixing the mistakes that have been made.